

tiền phải chi trả theo hợp đồng công việc tăng lên (được tổng hợp theo dự toán ở điểm 1.1).

1.4. Trường hợp số tăng và số giảm không tương xứng với nhau thì cơ quan, đơn vị bố trí lại dự toán bằng cách điều chỉnh các mục khác cho phù hợp, cụ thể:

- Nếu số giảm lớn hơn số tăng thì điều chỉnh tăng cho các mục khác cho bằng số giảm.

- Nếu số giảm nhỏ hơn số tăng thì điều chỉnh giảm tiếp các mục khác cho bằng số tăng.

1.5. Để đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng cho việc điều chỉnh mục do thực hiện chế độ hợp đồng với một số loại công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị được điều chỉnh các mục theo nội dung trên và thông báo với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm tra, giám sát; sau đó báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính đồng cấp.

Các trường hợp điều chỉnh mục khác không thuộc nội dung trên, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

II. CẤP PHÁT, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ

Việc cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí chi trả theo hợp đồng của các cơ quan, đơn vị được thực hiện bình thường như các mục chi ngân sách theo quy định tại Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Thông tư số 40/1998/TT-BTC ngày 31/3/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 21/2000/TT-BTC ngày 16/3/2000

của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp và các văn bản có liên quan về quản lý ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2001. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết../.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 08/2001/TT-BTC ngày 18/1/2001 hướng dẫn bổ sung quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các chi nhánh của tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam quy định tại Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 13/1999/NĐ-CP ngày 17/3/1999 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài, văn phòng của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 92/1998/NĐ-CP ngày 10/11/1998 của Chính phủ về hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

0980346

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com LawSoft

Căn cứ Nghị định số 45/2000/NĐ-CP ngày 06/9/2000 của Chính phủ quy định về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài và của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với các chi nhánh của các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, bao gồm: các chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài, các chi nhánh của tổ chức tín dụng nước ngoài, các chi nhánh của các công ty thuốc lá nước ngoài và các chi nhánh khác được phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam, dưới đây gọi chung là Chi nhánh nước ngoài.

2. Chi nhánh nước ngoài là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn tại Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp Nhà nước, Chính phủ Việt Nam tham gia hoặc ký kết một điều ước quốc tế, hiệp định hoặc cam kết với các tổ chức quốc tế hay Nhà nước, Chính phủ khác mà trong văn bản ký kết có quy định về thuế đối với hoạt động của các Chi nhánh nước ngoài khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì áp dụng theo điều ước quốc tế, hiệp định hay cam kết đó.

II. NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI

1. Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

của Chi nhánh nước ngoài được xác định theo hướng dẫn tại Phần B Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với các Chi nhánh nước ngoài là 32%.

2. Khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, Chi nhánh nước ngoài được tính khoản chi phí quản lý kinh doanh của Tổ chức nước ngoài phân bổ cho Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo chi phí thực tế phát sinh vì mục đích hoạt động kinh doanh của Chi nhánh nước ngoài, nhưng khoản chi phí phân bổ này không được vượt quá tỷ lệ giữa doanh thu ở Việt Nam và tổng doanh thu của tổ chức nước ngoài. Mức tối đa chi phí phân bổ của tổ chức nước ngoài cho Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được xác định như sau:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Mức tối đa chi phí quản lý kinh doanh của tổ chức nước ngoài phân bổ cho Chi nhánh nước ngoài trong năm tính thuế | = | $\frac{\text{Tổng doanh thu của Chi nhánh nước ngoài trong năm tính thuế}}{\text{Tổng doanh thu của tổ chức nước ngoài trong năm tính thuế}}$ | x | Tổng số chi phí quản lý kinh doanh của tổ chức nước ngoài trong năm tính thuế |
|---|---|---|---|---|

Chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tính thuế, Chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm phải xuất trình cho cơ quan thuế báo cáo tài chính của tổ chức nước ngoài đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trong đó thể hiện rõ các chỉ tiêu như tổng doanh thu, tổng chi phí quản lý kinh doanh của tổ chức nước ngoài và chi phí quản lý phân bổ cho các chi nhánh, để làm căn cứ xác định chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho Chi nhánh nước ngoài ở Việt Nam.

3. Chi nhánh nước ngoài không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế các khoản

tiền chi trả cho trụ sở chính hoặc các chi nhánh khác cùng thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của tổ chức nước ngoài (trừ khi là khoản chi trả cho các dịch vụ thực tế sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh tại Việt Nam) dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay bất kỳ khoản chi trả tương tự nào khác để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác; hay dưới hình thức hoa hồng trả cho các dịch vụ riêng biệt; hay dưới hình thức lãi tiền vay trên các khoản vay của chi nhánh. Riêng đối với các chi nhánh của các tổ chức tín dụng nước ngoài, các khoản lãi tiền vay trả cho tổ chức tín dụng nước ngoài này được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế.

4. Các khoản chi phí trả lãi tiền vay liên quan đến vốn pháp định hoặc vốn điều lệ của chi nhánh nước ngoài đều không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế.

5. Các giao dịch giữa các Chi nhánh nước ngoài với trụ sở chính hoặc với chi nhánh khác cùng thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của tổ chức nước ngoài phải được thực hiện trên nguyên tắc giá thị trường. Trường hợp cơ quan thuế có phát hiện các vấn đề bất hợp lý về giá hoặc tỷ suất lợi nhuận trong các giao dịch giữa Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam với trụ sở chính hoặc với các chi nhánh khác tại nước ngoài, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để xác định thu nhập chịu thuế của Chi nhánh nước ngoài.

6. Trường hợp Chi nhánh nước ngoài không thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để xác định thu nhập chịu thuế của Chi nhánh nước ngoài, hoặc có thể áp dụng phương pháp phân bổ lợi tức của tổ chức nước ngoài trong năm tính thuế cho Chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{trong kỳ của} \\ \text{Chi nhánh} \\ \text{nước ngoài tại} \\ \text{Việt Nam} \end{array} = \frac{\text{Tổng doanh thu} \\ \text{trong kỳ của Chi} \\ \text{nhánh nước ngoài}}{\text{Tổng doanh thu} \\ \text{trong kỳ của tổ} \\ \text{chức nước ngoài}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập trong} \\ \text{kỳ của tổ} \\ \text{chức nước} \\ \text{ngoài} \end{array}$$

Trong trường hợp này, Chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan thuế báo cáo kế toán của tổ chức nước ngoài đã được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận để làm căn cứ phân bổ thu nhập chịu thuế cho Chi nhánh nước ngoài.

Trường hợp Chi nhánh nước ngoài không cung cấp tài liệu làm căn cứ phân bổ thu nhập chịu thuế cho Chi nhánh nước ngoài, cơ quan thuế sẽ căn cứ vào tài liệu đã điều tra và thu thập được để ấn định thu nhập chịu thuế của Chi nhánh nước ngoài.

7. Khi xác định thu nhập chịu thuế của năm tính thuế, Chi nhánh nước ngoài được trừ số lỗ của các năm trước chuyển sang theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 03/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc chuyển lỗ được thực hiện bằng cách chuyển toàn bộ số lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào sang năm có thu nhập tiếp theo và được dùng thu nhập của những năm tiếp theo để bù khoản lỗ đó, thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ.

8. Khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, các Chi nhánh nước ngoài không phải nộp thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài đối với thu nhập của các năm tài chính kể từ năm tài chính 1999 trở đi.

III. ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ, QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Đăng ký thuế:

Chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm đăng ký

thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế địa phương (Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) nơi đóng trụ sở của Chi nhánh.

2. kê khai thuế:

Chi nhánh nước ngoài phải có trách nhiệm kê khai và nộp tờ khai thuế tạm nộp cả năm theo mẫu quy định tại Thông tư số 99/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất vào ngày 25 tháng 1 hàng năm.

Căn cứ để kê khai là kết quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của năm trước và khả năng kinh doanh của năm tiếp theo.

Sau khi nhận được tờ khai, cơ quan thuế kiểm tra xác định số tạm nộp cả năm và chia ra từng quý để thông báo cho Chi nhánh nước ngoài tạm nộp thuế.

Nếu trong tờ khai, Chi nhánh nước ngoài không kê khai hoặc kê khai không rõ các căn cứ để xác định số thuế tạm nộp cả năm thì cơ quan thuế có quyền yêu cầu Chi nhánh nước ngoài giải trình các căn cứ để xác định số thuế tạm nộp cả năm. Trường hợp Chi nhánh nước ngoài không giải trình hoặc không chứng minh được các căn cứ đã ghi trong tờ khai theo yêu cầu của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có quyền ấn định số thuế tạm nộp của cả năm.

3. Nộp thuế:

Chi nhánh nước ngoài tạm nộp thuế hàng quý đầy đủ, đúng hạn theo thông báo thuế của cơ quan thuế.

Thời hạn nộp thuế được ghi trong thông báo nộp thuế chậm nhất không quá ngày cuối quý.

4. Quyết toán thuế:

Chi nhánh nước ngoài phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế và phải kê khai các chỉ tiêu theo mẫu quy định tại Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính.

Năm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trường hợp Chi nhánh nước ngoài được phép áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch nêu trên thì được phép quyết toán thuế theo năm tài chính đó.

Chi nhánh nước ngoài phải nộp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo kế toán đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam, báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho việc kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của các Chi nhánh nước ngoài kể từ năm tài chính bắt đầu trong năm 1999.

Trường hợp trước ngày có hiệu lực của Thông tư này mà Chi nhánh nước ngoài đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 1999 theo các hướng dẫn trước đây của Bộ Tài chính (thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%, không được phân bổ chi phí quản lý của trụ sở chính nước ngoài và phải nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài) thì không thực hiện việc điều chỉnh lại, trừ trường hợp Chi nhánh nước ngoài có yêu cầu bằng văn bản với cơ quan thuế để được xác định nghĩa vụ thuế của năm 1999 theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Các Thông tư sau đây của Bộ Tài chính không còn hiệu lực thi hành:

+ Thông tư số 90/TC-TCT ngày 10/11/1993 hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với ngân

hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 04/TC-TCT ngày 23/4/1997 hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với các chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

+ Thông tư số 118/TC-TCT ngày 26/12/1994 hướng dẫn về thuế đối với các chi nhánh công ty thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

THÔNG TƯ số 09/2001/TT-BTC ngày 18/1/2001 hướng dẫn thi hành một số điểm về chủ trương, biện pháp điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2001.

Căn cứ Nghị quyết số 38/2000/QH10 ngày 28/11/2000 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 8 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 146/2000/QĐ-TTg ngày 22/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001;

Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về chủ trương và biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2001 như sau:

I. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH

1. Năm 2001 vẫn tiếp tục thực hiện ổn định các

nguồn thu, tỷ lệ điều tiết và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương như năm 2000, đồng thời điều chuyển từ ngân sách trung ương về ngân sách địa phương một số nhiệm vụ chi sau đây cho phù hợp với yêu cầu quản lý của địa phương:

1.1. Chi đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước của bộ máy dân số và kế hoạch hóa gia đình.

1.2. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

1.3. Chi một số chương trình mục tiêu không xếp là chương trình mục tiêu Quốc gia:

- (1) Chương trình về thể dục thể thao;
- (2) Chương trình phòng, chống tội phạm;
- (3) Chương trình phòng, chống ma túy;
- (4) Chương trình phòng, chống mại dâm;
- (5) Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em;
- (6) Mục tiêu nâng cấp trang thiết bị y tế;
- (7) Chương trình hỗ trợ phát triển thủy sản.

2. Tiếp tục thực hiện cơ chế để lại một số nguồn thu để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương như năm 2000.

Riêng nguồn thu quảng cáo truyền hình được sử dụng toàn bộ số thu theo phân cấp để đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị cho đài truyền hình theo quy định tại Thông tư số 03/2000/TT-BTC ngày 10/1/2000 của Bộ Tài chính.

Việc phân cấp, quản lý và báo cáo tình hình sử dụng các nguồn thu trên được thực hiện theo quy định tại điểm 3 Phần I Thông tư số 06/2000/TT-BTC ngày 18/1/2000 của Bộ Tài chính.

3. Về thưởng vượt dự toán thu cho ngân sách địa phương: